

Bản án số: 810/2026/HS-PT
Ngày: 16-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân

2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 679/2026/TLPT-HS ngày 06/8/2026 đối với Võ Minh T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2026/HS-ST ngày 23/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Minh T; giới tính: Nam; sinh ngày: 25/5/1978 tại tỉnh Kiên Giang; cư trú: 77 đường số H, Phường B, quận GV (nay là phường HT), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông VDM (chết) và bà NTN; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 16/3/1996 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 21/7/1997 bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Trần Văn L; giới tính: Nam; sinh ngày: 28/7/1959 tại Thành phố Đà Nẵng; cư trú: 1K đường BG, Phường MB, quận TB (nay là phường TB), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông TD (chết) và bà HTH (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa:

Ông Nguyễn Trung C - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C T, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trần Văn L (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 02 bị cáo khác, không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/07/2024, Công an Phường 12, Quận 10 xử lý tin báo tố giác đối với Lương V T, qua kiểm tra điện thoại của V T và truy xét các đối tượng có liên quan, xác định:

Từ tháng 11/2020 đến tháng 7/2024, Huỳnh Thị Song N đã nhiều lần tổ chức có các con bạc chơi số đề các đài miền Nam và miền Bắc theo tỷ lệ: Đánh 02 con, ăn 70 lần; số đá ăn 500 lần; bao lô 03 con ăn 600 lần; bao lô 04 con ăn 5.000 lần. Ngày 03/11/2020, Huỳnh Thị Song N đã ghi số đề các đài Bến Tre, Vũng Tàu cho Trần Thị Thanh T1 với số tiền 560.000 đồng, kết quả số đề trúng 4.900.000 đồng. Trần Nguyên K biết N có ghi đề nên thỉnh thoảng có nhắn tin hoặc đến nhà gặp N để trực tiếp ghi đề, tuy nhiên K và N đã xóa tin nhắn, hủy phôi đề, hiện không nhớ rõ thời gian và số đề đã ghi. Ngoài ra, N còn ghi đề cho nhiều đối tượng khác nhưng số tiền ghi đề mỗi lần đều dưới 5.000.000 đồng. Trần Thị Thanh T1, ngoài chơi số đề ngày 03/11/2020, còn tham gia chơi vào nhiều ngày khác nhưng mỗi lần chơi đều dưới 5.000.000 đồng.

Đối với Trần Nguyên K là khách quen thường tới quán nơi Trần Văn L làm việc nên ngày 15/02/2024 (tức ngày mừng 6 Tết) khi Võ Minh T nhờ K ghi đề các số 15 và 515 (bao lô) đài Tây Ninh, An Giang với tổng số tiền 2.160.000 đồng, K đã nhờ L ghi giúp, L tiếp tục nhờ đối tượng (không rõ lai lịch) ghi đề, kết quả số đề trúng 9.800.000 đồng. Ngoài ra, ngày 16/02/2024, Võ Minh T tiếp chơi số đề với cách thức như trên nhưng số tiền ghi đề dưới 5.000.000 đồng và không trúng đề.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2026/HS-ST ngày 23/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Song N 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh T1 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Võ Minh T 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Đối với Trần Nguyên K đã chết nên Tòa cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với bị cáo K.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Võ Minh T và Trần Văn L kháng cáo xin áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn hoặc cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo nêu tình tiết giảm nhẹ mới tuy nhiên xét mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn L nêu ý kiến: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của bị cáo chỉ là trung gian chuyển số đề của bị cáo T cho người ghi đề, bản thân bị cáo không được hưởng lợi nên vai trò đồng phạm có hạn chế, bị cáo có thời gian tham gia chiến trường Campuchia từ năm 1977 – 1981, gia đình có chị gái tham gia kháng chiến chống Mỹ, bị địch bắt tù đầy và được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, hiện bị cáo tuổi đã cao, mắc nhiều bệnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Võ Minh T tự bào chữa: Bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính, bản thân bị cáo bị bệnh hoại tử hàm. Bị cáo có công việc ổn định, tham gia bảo hiểm xã hội liên tục từ năm 2009 đến nay. Do đó, xin Tòa tạo điều kiện để tiếp tục đi làm, chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với kết quả truy xuất dữ liệu điện tử, phôi đề và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ngày 15/02/2024, thông qua Trần Nguyên K và Trần Văn L, Võ Minh T đã ghi đề các số 15 và 515 (bao lô) các đài Tây Ninh, An Giang với tổng số tiền 2.160.000 đồng, kết quả trúng đề với số tiền 9.800.000 đồng nên tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 11.940.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Đối với kháng cáo của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn. Đối với bị cáo L, chỉ là trung gian ghi đề vì cả nể do quen biết, không hưởng lợi; gia đình bị cáo có công cách mạng, bản thân bị cáo tham gia quân đội phục vụ chiến trường Campuchia từ năm 1977 đến năm 1981, hiện nay đã lớn tuổi như trình bày của luật sư nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo T, mặc dù là người trực tiếp chơi đề nhưng chỉ mang tính nhất thời, trước phiên tòa ngoài nộp lại tiền thu lợi bất chính, còn nộp lại số tiền mua đề tổng cộng 11.940.000 đồng (Theo Biên lai thu tiền số 0012582 ngày 19/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), bản thân bị cáo có công việc ổn định là nhân viên Công ty TNHH Đại Lực từ năm 2009 đến nay, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang mắc bệnh nghiêm trọng về răng (hoại tử/tiêu xương hàm) nên xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Minh T và Trần Văn L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2026/HS-ST ngày 23/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Võ Minh T và Trần Văn L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo **Võ Minh T** 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn L** số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (2) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - P.PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - TAND Khu vực 4 | (2) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (20). | (4) |

Nguyễn Văn Hà